

LÝ NHÂN QUẢ

Nàrada Mahà Thera
Phạm Kim Khánh dịch

(Trích "Đức Phật và Phật Pháp", Chương 18-21)

Mục lục

1. Nghiệp báo
2. Nghiệp là gì?
3. Sự báo ứng của Nghiệp
4. Tính chất của Nghiệp

-ooOoo-

1. Nghiệp Báo

"Tất cả chúng sanh đều có cái nghiệp của mình." -- Trung A Hàm

Định luật nhân quả trong lĩnh vực tinh thần đạo đức là Nghiệp Báo, Kamma [1].

Tái Sanh là hệ luận tự nhiên của Nghiệp. Nghiệp Báo và Tái Sanh là hai giáo lý căn bản trong đạo Phật có liên quan mật thiết với nhau.

Từ trước thời Đức Phật, hai học thuyết Nghiệp Báo và Tái Sanh đã được truyền bá sâu rộng tại Ấn Độ. Tuy nhiên, chính Đức Phật đã giải thích tận tường và trình bày đầy đủ Giáo Pháp cao siêu ấy, đến nay vẫn còn lưu truyền.

Vì sao có sự bất đồng trong nhân loại?

Ta phải giải thích thế nào những chênh lệch tựa hồ như bất công trong thế gian?

Tại sao có hạng người sanh trường trong cung điện nguy nga, giàu sang vinh hiển, trí tuệ xuất chúng, đạo hạnh thanh cao, thân hình tráng kiện, trong khi ấy có kẻ khác lại phải chịu sống trong cảnh cùng đinh, cơ hàn khốn khổ? Tại sao người kia có tiền của ức triệu mà người nọ lại thiếu trước hụt sau? Tại sao có người thông minh tuyệt vời và có kẻ tối tăm ngu muội? Tại sao người này được sanh ra với bản tánh hiền lương của các bậc thánh nhân, kẻ nọ lại sẵn nét hung dữ từ khi lọt lòng mẹ? Tại sao có hạng thần đồng thông suốt nhiều thứ tiếng, có hạng thần đồng về môn toán học, thần đồng về khoa hội họa, văn chương, âm nhạc v.v...? Tại sao có những trẻ em sanh ra đã mù, điếc, câm, ngọng hoặc kỳ hình dị thể? Tại sao có những trẻ em vừa mở mắt chào đời đã được hưởng mọi phúc lành, và có em lại bị xem như một tội khổ?

Có chăng những nguyên nhân nhất định, tạo nên hoàn cảnh chênh lệch trong thế gian? Nếu không, những trạng thái bất đồng kể trên hẳn là những sự kiện ngẫu nhiên xảy ra hoàn toàn do

sự may rủi.

Bậc trí tuệ không thể tin nơi sự may rủi mù quáng và không chấp nhận lối giải thích bằng sự ngẫu nhiên.

Trong thế gian này không có điều chi xảy đến cho người nào mà không do một hay nhiều nguyên nhân. Quả vui, quả khổ của những người đang gặt hái đều trở sanh do những nhân tốt hay xấu đã tạo, hoặc trong kiếp hiện tại, hoặc trong những kiếp quá khứ. Nhưng với lý trí phạm tục, với sự hiểu biết tùy thuộc nơi giác quan của nhục thể, không dễ gì thấu triệt những nguyên nhân vô hình và phức tạp của guồng máy thế gian. Ta chỉ thấy hiển hiện trước mắt cái quả đang trở mà không thấy được tất cả các nguyên nhân vi tế đã tạo điều kiện cho quả ấy phát sanh, vì nhân kia không phải hoàn toàn được tạo nên trong kiếp hiện tại mà có thể được rải rác gieo trồng từ vô lượng tiền kiếp.

Có chăng những bậc cao minh sáng suốt, tiếp nhận được bằng tuệ giác những điều mà mắt thịt tại phạm không thể nghe thấy? Phật Giáo xác nhận rằng có thể có.

Vài hệ thống tín ngưỡng chủ trương rằng tất cả các sự khác biệt trong đời đều do một nguyên nhân duy nhất, và nguyên nhân ấy là do sự quyết định tối cao của Đấng Tạo Hóa. Đức Phật không nhìn nhận có một Đấng Tạo Hóa toàn tri, toàn năng, tạo ra căn khôn vũ trụ.

Các nhà bác học hiện đại giải thích thế nào sự chênh lệch của nhân loại?

Căn cứ trên sự cảm nhận của giác quan, nhà khoa học cho rằng tình trạng bất đồng kia do những nguyên nhân vật lý và hóa học hỗn hợp, do truyền thống và do giới thân cận.

Nhà sinh lý học trứ danh, ông Julien Huxley, có viết như sau:

"Mâm giống sơ khởi cấu tạo con người là những đơn vị sinh lý gọi là "gene" (gene là những cục vi tế bảo trong tinh trùng do đó mâm giống của cha truyền sang con gọi là định luật truyền thống).

Có những loại "gene" tạo ra màu sắc cho cơ thể. Có loại chi phối bề cao, sức nặng. Có loại ảnh hưởng tới khả năng sinh sản, tuổi thọ, và sức khỏe của con người. Cũng có loại "gene" ảnh hưởng đến hình hài thể vóc. Phần lớn các đặc tánh di truyền, nếu không phải là tất cả, đều do các đơn vị sinh lý "gene" chi phối.

"Riêng về những đặc tính tinh thần - phức tạp và tế nhị hơn - thật khó mà chứng minh một cách cụ thể. Mặc dầu có những sự kiện hiển nhiên có sự di truyền thuộc về tinh thần, nhưng không có hiện tượng nào xác nhận rằng những đặc điểm tinh thần từ ông bà cha mẹ truyền xuống cho con cháu phải theo một thể thức nào giống như thể thức truyền thống về xác thịt.

"Mọi truyền thống, tinh thần và vật chất, bằng cách này hay cách khác, đều tùy thuộc nơi tác động tương quan giữa các bản thụ "gene" mà mỗi người mang trong mình từ lúc mới được thọ thai."

Ta phải nhìn nhận rằng tất cả các hiện tượng lý-hóa mà nhà khoa học hiện đại nêu lên đã giải thích một phần vấn đề. Tuy nhiên các hiện tượng lý-hóa ấy không thể là nguyên nhân duy nhất quyết định sự khác biệt tế nhị giữa những cá nhân. Nếu thuyết truyền thống hoàn toàn là đúng, nếu con cái nhất định phải giống cha mẹ, thì ta phải giải thích thế nào trường hợp hai bé sanh đôi, thụ hưởng một thứ sanh khí, một thứ "gene", được nuôi dưỡng in như nhau, tại sao bản tánh của mỗi em lại khác? Trí tuệ và tánh nết lại càng khác biệt.

Truyền thống không đủ để giải thích chỗ âm u sâu rộng của vấn đề chênh lệch trong đời. Đúng ra, thuyết này giải thích những chỗ giống nhau nhiều hơn là chứng minh những điểm dị biệt.

Hạt "gene" cực kỳ vi tế - lồi một phần ba chục triệu của một phân Anh (1/30.000.000 inch) - chỉ giải thích được một phần vấn đề, phần vật chất. Đối với sự chênh lệch tinh thần, trí tuệ đạo đức, vô cùng phức tạp và tế nhị hơn, chúng ta vẫn còn cần nhiều tia sáng khác. Truyền thống không thể giải thích tại sao có những đứa con hung dữ, sát nhân, trong một gia đình có tiếng là lương thiện, và trái lại, có những trẻ con hiền từ, sanh trưởng trong một gia đình hung ác. Thuyết truyền thống cũng không thể giải thích do đâu có những thần đồng, những bậc vĩ nhân, những bậc Đại Giáo Chủ v.v...

Luận về thuyết truyền thống, Tiến sĩ Th. Pascal viết như sau trong quyển "Reincarnation":

"Quay về vai trò của mầm thụ "gene" trong vấn đề truyền thống, chúng ta lập lại rằng mầm thụ vật lý "gene" tự nó giải thích phần vật chất của con người. Về khả năng trí thức và đạo hạnh, mầm thụ "gene" không rọi được tia sáng nào. Nếu mầm thụ "gene" cấu tạo được trọn vẹn con người, ta sẽ tìm thấy trong mọi người tất cả mầm tánh của cha mẹ và không khi nào có những tánh khác.

"Như vậy sẽ không có những người con sát nhân trong gia đình lương thiện và cũng không có những bậc hiền nhân sanh trưởng trong gia đình hung ác. Trong đời sống hằng ngày ta có thể gặp hai đứa trẻ sinh đôi, cùng cha, cùng mẹ, cùng thừa hưởng một mầm thụ của cha mẹ, cùng được sanh ra trong những điều kiện như nhau, cùng trưởng thành trong những điều kiện như nhau, cùng trưởng thành trong một giới thân cận, thân hình, mày mắt thật giống nhau, những một đứa thì hiền lương, còn một đứa thì hung ác tàn bạo. Ngoài ra, số trẻ thần đồng cũng khá nhiều và đủ làm bối rối các học giả chủ trương thuyết truyền thống. Nếu đi ngược dòng thời gian, phẳng mãi lên trong gia phá các vị thần đồng, ta có thể tìm được chẳng những vị tổ tiên cũng thần đồng như vậy? Vậy, không phải tất cả mầm tánh và trí tuệ của con người đều do nơi cha mẹ, ông bà, cũng không truyền lại hết cho con. Bằng chứng là trong hàng con cháu của Mozart, Beethoven và Dantes không có một thần đồng hay một vĩ nhân nào, và trong phạm vi của các nhà duy-vật-học, chưa có gì chứng minh được thuyết truyền thống một cách thiết thực.

"Về mặt thể xác, không phải tất cả đặc điểm vật lý của cha mẹ đều được truyền hết cho con, trí tuệ và tính nết mỗi người con một khác [2] và nhiều gia đình lương thiện lấy làm đau khổ mà sanh ra những đứa con ngộ nghịch bất lương."

Phật Giáo cũng nhìn nhận có phần ảnh hưởng của sự truyền thống và của giới thân cận, nhưng cho rằng không đủ. Phật Giáo thêm vào đây định luật Nghiệp Báo (Kamma), tức là sự tổng hợp các hành động khác trong quá khứ và hiện tại. Chính chúng ta phải lãnh phần trách nhiệm về những hành động của chúng ta trong quá khứ và gặt hái hoàn cảnh an vui hay đau khổ trong hiện tại. Chính ta tạo thiên đàng cho ta. Cũng chính ta tạo địa ngục cho ta. Ta là người xây dựng tương lai của ta. Chính ta tạo cái mà người thế gian gọi là Định Mệnh.

Nguyên Nhân của Sự Chênh Lệch

Thuở Đức Phật còn tại tiền, có chàng thanh niên tên Sudha, thắc mắc trước trạng huống bất đồng giữa loài người, muốn tìm chân lý, đến gần Ngài và bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, vì lý do nào và nguyên nhân nào trong đời có người yếu (appayuka) và có người thọ (dighayuka), người bệnh hoạn (bavhabadha) và người khoẻ mạnh (appabadha), người xấu xa (dubbanna) và người đẹp đẽ (vannavanta), có hạng người làm gì cũng không ai làm theo, nói chi cũng không ai nghe (appesakka) và hạng người có thể lực, làm gì cũng có người theo, nói chi cũng có người nghe (mahesakka), có người nghèo khổ (appabhogga) và người giàu sang (mahabhoga), có người sanh trưởng trong gia đình bần tiện (nicakulina) và có người dòng dõi cao sang (uncakulina), có người dốt (duppanna) và có người trí tuệ (pannavanta)?

Đức Phật trả lời vấn đề như thế này:

"Tất cả chúng sanh đều mang theo cái Nghiệp (Kamma) của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng của mỗi người mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa chúng sanh. [3]"

Rồi Đức Phật giải thích cho Subha nghe từng trường hợp:

"Nếu người kia trọn đời chỉ biết sát sanh, người thợ săn chẳng hạn, bàn tay luôn luôn đầm máu, hằng ngày sống trong sự giết chóc và gây thương tích không chút xót thương. Do tính hiếu sát ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ là một người có mạng "yêu".

"Nếu người kia luôn luôn thận trọng, không hề xác phạm đến tính mạng của ai, sống xa gươm đao, giáo mác và các loại khí giới, lấy lòng từ ái đối với tất cả chúng sanh. Do sự không sát sanh (Tâm Từ) ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ trường " thọ".

"Nếu người kia độc ác, luôn luôn tìm cách hại người, luôn luôn dùng đấm đá và gươm đao đối sử với mọi người. Do nét hung dữ, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ uon yếu bệnh hoạn.

"Nếu người kia không bao giờ làm tổn thương ai khác. Do đức tánh hiền lương nhu hòa, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ được mạnh khỏe.

"Nếu người kia thô lỗ, cọc cằn, luôn luôn giận dữ, chưởi mắng, nguyên rủa kẻ khác. Do hậu quả của sự thô lỗ, cọc cằn ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ xấu.

"Nếu người kia thanh tao nhã nhặn, dầu ai có chưởi mắng thậm tệ cũng không hề oán giận và tìm cách trả thù. Do hậu quả của phong thái thanh nhã ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ đẹp đẽ.

"Nếu người kia có tánh đố kỵ, thềm thường, ham muốn lợi danh của kẻ khác, không biết tôn kính người đáng kính, luôn luôn chứa chấp lòng ganh tỵ. Do hậu quả của tính tật đố ganh ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người có ảnh hưởng, nói gì không ai nghe, làm gì không ai theo.

"Nếu người kia không có tánh đố kỵ, không thềm ham muốn lợi danh của người khác, biết tôn trọng người đáng kính, không chứa chấp lòng ganh tỵ. Do ảnh hưởng của tâm không ganh tỵ ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người có thể lực, nói gì cũng có người nghe, làm gì cũng có người theo.

"Nếu người kia không bao giờ biết bỏ thí vật gì. Do tánh keo kiệt, bám níu vào tài sản sự nghiệp của mình, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người nghèo nàn thiếu thốn.

"Nếu người kia giàu lòng quảng đại, tánh ưa bố thí. Do lòng quảng đại rộng rãi ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người giàu có dư dả.

"Nếu người kia không biết phục thiện, tánh ưa kiêu hãnh, không tôn trọng người đáng kính. Do tánh ngạo mạn và vô lễ ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người đê tiện thấp hèn.

"Nếu người kia biết phục thiện, tánh không kiêu hãnh, biết tôn trọng người đáng kính. Do đức tính biết phục thiện và có lễ độ ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người sang trọng quyền quý.

"Nếu người kia không chịu gần người có tài đức để học hỏi điều hay lẽ phải và phân biệt chánh tà. Do sự kém học ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người dốt.

"Nếu người kia cố công tìm đến người có tài đức để học hỏi. Do sự học hỏi chánh đáng ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người thông minh trí tuệ." [4]

Trên đường tái sanh luân hồi, con người chịu ảnh hưởng của nghiệp quá khứ nhiều hơn truyền thống.

Như trường hợp của Đức Phật. Ngài đã thọ sanh nhờ tinh trùng, minh châu và bầm thụ "gene" của cha mẹ cũng như mọi chúng sanh. Nhưng về mặt thể chất cũng như về phương diện tinh thần, trong quý tộc, từ tổ tiên mấy đời xuống đến Ngài, không ai có thể sánh với Ngài. Đức Phật đã có lần dạy rằng Ngài không thuộc dòng dõi vua chúa mà thuộc dòng của chư Phật, chắc chắn Đức Phật là bậc siêu nhiên. Ngài sanh ra với cái nghiệp phi thường mà chính Ngài đã tạo nên từ vô lượng kiếp.

Theo kinh Lakkhana Sutta [5], Đức Phật sanh ra với tướng mạo khác thường - 32 đặc điểm phi thường - là do bao nhiêu công đức cao dày mà ngài đã tạo ra trong vô lượng kiếp quá khứ. Kinh Lakkhana Sutta cũng giải thích rành mạch mỗi tướng tốt của Đức Phật, tướng nào phát sanh do nhân nào.

Trường hợp hy hữu của Đức Phật chứng tỏ rằng năng lực của Nghiệp chẳng những chi phối cơ thể mà còn vượt lên, làm mất phần hiệu năng của tinh trùng, minh châu và bầm thụ "gene" của cha mẹ. Vì thế Ngài dạy rằng :

"Ta là kẻ thừa hưởng những hành vi tạo tác của ta như một di sản từ quá khứ truyền lại."

Đề cập đến sự khác biệt giữa chúng sanh, sách Atthasalini ghi rằng:

"Do sự khác biệt giữa cái nghiệp mỗi chúng sanh nên có trạng thái chênh lệch trong sự tái sanh. Người sanh ra sang cả, kẻ thì đê hèn. Người sanh ra trong sự khinh khi nguyên rủa, kẻ thì được tôn trọng kính vì. Người được hạnh phúc an vui từ lúc lọt lòng mẹ, kẻ lại khổ sở khôn cùng.

"Do sự khác biệt giữa cái nghiệp mỗi chúng sanh nên có sự khác nhau về hình dung, sắc diện: người thì đẹp đẽ, kẻ lại xấu xa, người cao, người thấp, kẻ thì tuấn tú phương phi, người thì kỳ hình dị tướng.

"Do sự khác biệt giữa cái nghiệp mỗi chúng sanh nên có trạng thái chênh lệch trong xã hội như được, thua, danh thơm, tiếng xấu, được ca tụng hay bị khiển trách, hạnh phúc hay đau khổ."

"Do nghiệp, thế gian luân chuyển.

Do nghiệp, chúng sanh tồn tại.

Và cũng do nghiệp, mà chúng sanh vương váu.

Liên kết với nhau như bánh xe,

cầu hợp, dính liền và quay tròn quanh cái trục.

"Do nghiệp, chúng sanh được vinh hạnh tôn sùng.

Do nghiệp, chúng sanh chịu cảnh nô lệ tôi đòi,

Bị nạn độc tài đàn áp và đi đến chỗ bại vong .

Đã biết rằng nghiệp sanh quả

Tại sao vẫn tin rằng:

Trong đời này không có nghiệp báo?" [6]

Tóm tắt, theo Phật Giáo, những sự chênh lệch về tinh thần, đạo đức, trí tuệ và bầm tánh, một phần lớn đều tùy thuộc hành động và khuynh hướng của chúng ta trong quá khứ và trong hiện tại, tức là nghiệp.

Không Phải Tất Cả Đều Do Nghiệp

Mặc dầu chủ trương rằng nguyên nhân chánh tạo nên hoàn cảnh chênh lệch trong đời sống là sự khác biệt giữa cái Nghiệp mỗi chúng sanh, Phật Giáo không quả quyết rằng tất cả đều do nơi Nghiệp. Nói cách khác, Nghiệp không phải là nguyên nhân duy nhất tạo nên những khác biệt, những sự chênh lệch giữa chúng sanh. Định luật Nghiệp Báo tuy quan trọng, chỉ là một trong 24 nguyên nhân (Paccaya) [7] trong đời sống được mô tả trong triết học Phật Giáo. Để điều chỉnh quan niệm sai lầm cho rằng: "Những quả lành, dữ, hay không-lành, không-dữ, tất cả đều phát sanh do những hành động [8] (nghiệp đã tạo ra) trong quá khứ (Pubbekatehetu)", Đức Phật dạy:

"Nếu luận như vậy và quả quyết rằng do những hành động trong quá khứ mà con người trở thành sát nhân, trộm cướp, dâm loạn, láo xược, thô lỗ, nhảm nhí, tham lam, xảo quyệt, hư hèn, thì ta có lý do để y lại, dựa trên quá khứ mà không muốn thực hiện, không cố gắng thực hiện, và cũng không cần thiết phải thực hiện, hay không thực hiện, một hành động, dầu hành động ấy có đáng thực hiện hay không. [9]"

Đoạn kinh quan trọng trên đây đính chánh một quan điểm sai lầm chủ trương rằng tất cả những xảy ra trong lãnh vực tinh thần cũng như vật chất, đều do tiền nghiệp mà phát sanh.

Nếu kiếp sống hiện tại tuyệt đối do hành động quá khứ chi phối hay hoàn toàn do tiền nghiệp chủ động thì định luật Nghiệp Báo chẳng có gì khác hơn là Thuyết Định Mệnh hay Tiền Định. Không ai còn tự do để cải thiện đời sống mình, trong hiện tại hay trong tương lai, và tự do ý trí chỉ là một điều phi lý. Đời sống trở nên hoàn toàn tự động và con người không mấy khác biệt với một cái máy.

Tin rằng chúng ta được sanh ra do một đấng Tạo Hóa Toàn Năng, toàn quyền định đoạt số phận và sắp đặt trước định mạng mà, dầu muốn dầu không, ta không thể nào thay đổi được, hoặc tin rằng cái Nghiệp tạo ra số phận và định đoạt đời sống của chúng ta thì có gì khác nhau? Có khác chăng chỉ ở hai danh từ.

Thuyết định mạng như vậy không phải là định luật Nghiệp Báo trong Phật Giáo.

Năm Niyama (Định Luật)

Theo Phật Giáo có năm định luật, hay tiến trình (Niyama) [10] tác động trong lĩnh vực vật chất và tinh thần. Đó là :

1. **Utu Niyama**, là định luật vật lý có liên quan đến tiến trình của những sự vật vô cơ như hiện tượng thời tiết, mưa, gió, nhiệt, hàn v.v... bốn mùa tám tiết và đặc tánh của mỗi mùa như hạ thì nóng, đông thì lạnh cũng nằm trong định luật này.
2. **Bija Niyama**, là định luật vật lý có liên quan đến tiến trình của những sự vật hữu cơ như cây cỏ. Do định luật này thì mầm nào sanh giống đó. Cây lúa thì do bột lúa, cây cam thì do hạt cam, vị ngọt do đường, mía, mật ong mà ra v.v... Lý thuyết khoa học về tế bào và bẩm thụ gene trong việc thọ thai cũng do định luật này chi phối. Sự giống nhau về phương diện vật lý của hai trẻ sanh đôi cũng vậy.
3. **Kamma Niyama**, là định luật nhân quả hay là sự tiến triển từ hành động, thiện hoặc ác, đến quả, lành hay dữ. Nhân gieo thì quả trở. Nhân lành đem lại quả tốt. Nhân ác đem lại quả xấu. Đó là định luật thiên nhiên, quả phải trở sanh do nhân như vậy, chứ không phải là hình thức thưởng hay phạt. Tiến trình từ nhân đến quả cũng tự nhiên và cần thiết như sự xoay chuyển của mặt trăng quanh mặt trời. Đó là nguyên tắc nhân quả tương xứng của định luật Nghiệp Báo.

Nguyên tắc của luật nhân quả là quả trở liên tục. Một nhà bác học tìm tòi, học hỏi, thấu đạt được nhiều kiến thức và kinh nghiệm trong đời sống, đến lúc chết và tái sanh, tất cả những kinh nghiệm và kiến thức ấy cũng được chuyển từ kiếp này sang kiếp khác. Đôi khi ta phảng phát nhớ lại một vài kinh nghiệm và kiến thức trong kiếp trước, nhưng lắm lúc ta quên hẳn, cũng như ta quên một vài kinh nghiệm và kiến thức đã thu thập lúc còn nhỏ, trong cùng một kiếp sống. Do nguyên tắc quả trở liên tục có những trường hợp thân đồng nhạc sĩ, họa sĩ, sử học gia, ngôn ngữ gia v.v..., những em bé chưa học mà nói được nhiều thứ tiếng.

4. **Dhamma Niyama**, là định luật của vạn pháp, như những hiện tượng xảy ra khi một vị Bồ Tát đản sanh trong kiếp chót, luật hấp dẫn lực và những định luật khác trong vũ trụ v.v... đều có thể liệt vào lịch trình tiến triển này.

5. **Citta Niyama**, là định luật tâm lý, như tiến trình tâm, sự cấu tạo phần tâm linh, những năng lực của tâm như thần giao cảm, hiểu biết quá khứ vị lai, huệ nhãn, huệ nhĩ, tha tâm hống, và những hiện tượng tương tự mà khoa học hiện đại chưa giải thích được.

Năm lịch trình tiến triển tự nó là những định luật dựa theo đó ta có thể giải thích tất cả những hiện tượng tâm lý cũng như vật lý.

Nghiệp Báo chi là một trong năm định luật ấy.

Cũng như tất cả định luật trong vũ trụ, năm lịch trình tiến triển kể trên không do một oai lực thiêng liêng huyền bí nào tạo nên.

Định luật liên quan đến sự tiến triển vật lý, loại vô cơ, loại hữu cơ, định luật của vạn pháp (Dhamma Niyama) là những lịch trình tiến triển ít nhiều tự động, mặc dầu trong một giới hạn nào, trí thông minh của con người cũng có thể kiểm soát được. Thí dụ như lửa nóng có đặc tánh làm phỏng da, tiết lạnh đến mức độ nào thì làm đông nước, nhưng cũng có người có thể đi trên lửa mà không bị phỏng mà cũng có người khóa thân ngồi trên tuyết lạnh sơn mà không sao. Những người trồng hoa chuyên nghiệp có thể tạo những cảnh vườn tuyệt đẹp với các loại hoa trái mùa, người luyện phép du đã (yoga) có thể dùng oai lực thần bí nâng cao một vật nặng.

Định luật thuộc về phần tâm linh cũng như máy móc như các định luật khác, nghĩa là cũng tác động một cách hồn nhiên, tự động, vô ý thức, không cần kích thích, không tùy thuộc nơi ý muốn nào bên ngoài. Khi nhân đã gieo thì, do Nghiệp Báo, quả phải trở.

Công phu tu tập trong Phật Giáo nhằm mục đích kiểm soát tâm, và sự kiểm soát này có thể thực hiện được nhờ hiểu biết chân chánh và tư tưởng trong sạch. Luật nhân quả tác động một cách rất máy móc. Khi Nghiệp quá nặng thì dầu con người có muốn cũng không thể sửa đổi hậu quả nghiêm khắc của nó. Nhưng trong những trường hợp ấy cũng vậy, Chánh Kiến là tác ý trong sạch có thể sửa chữa phần nào cái Nghiệp. Trong một giới hạn nào Nghiệp lành có thể làm dịu bớt quả dữ.

Định luật nhân quả thật phức tạp. Chỉ có Đức Phật mới thấu hiểu được cội nguồn của nó.

Mục tiêu tối hậu của người Phật tử là tận diệt Nghiệp.

-ooOoo-

Chú thích:

[1] Sanskrit là Karma.

[2] Đại tá Ingersol viết như sau về văn hào trứ danh nước Anh, ông Shakespeare. "Cha lần mẹ ông Shakespeare đều không biết đọc biết viết. Ông Shakespeare trưởng thành trong một làng bé nhỏ giữa những người dốt".

[3] *Kamassaka manava satta, Kammadayada, Kammayoni, Kammabandhu, Kammapatisarana, Kamma satte vibhajati yadidam hinappanitataya'ti.* (Majjhima Nikaya, Trung A Hàm, bài kinh Cullakammavibhanga Sutta, số 135).

Xem lời giải đáp của Đại đức Nagasena cho Vua Milinda về vấn đề này. (Warren, Buddhism in Translation, trang 214).

[4] Về sự báo ứng của nghiệp, khi đề cập đến mối tương đồng giữa nhân và quả (nhân nào tạo quả ấy), Tiên sĩ Crimm có viết như sau:

"Trong tất cả những trường hợp tương tự, ta có thể dẫn chứng dễ dàng rằng định luật tương đồng có tác dụng điều chỉnh và chuyển hướng cho thức tái sanh phù hợp với một tế bào mới. Như người kém lòng từ bi, giết chóc người và vật một cách dễ dàng, đã ôm ấp dưỡng nuôi sâu kín trong lòng bản tánh sát sanh.

"Người ấy sẽ không ngần ngại và lắm khi cũng lấy lòng thỏa thích mà giết một sanh mạng, tức là cắt đứt một sự sống của một chúng sanh, hay nói cách khác, là thấu ngăn đời sống của một chúng sanh. Tức nhiên mầm giống có khuynh hướng sát sanh, mầm giống có bản tánh thấu ngăn đời sống, thấm nhuần trong người ấy và đến lúc chết, do định luật tương đồng, bị hấp dẫn đến một cảnh giới cũng có những khuynh hướng tương tự, và trong cảnh giới ấy đương nhiên đời sống bị thu ngăn lại. Cùng một thể ấy, người có tâm ác, vui thích trong việc hành hạ chúng sanh và làm cho kẻ khác đau đớn tột nguyên cũng nuôi sâu kín trong lòng mầm giống hung ác ấy. Khi chết - do định luật tương đồng, cái gì giống nhau có sức hấp dẫn lẫn nhau, xấu hút xấu, tốt hút tốt - tâm ác sẽ bị thu hút đến những cảnh giới cũng hung ác như vậy, với năng lực tạo nên một thân thể xấu xa dị tướng.

"Một người có tánh nóng giận hằng kích thích những mầm giống có tính chất làm cho sắc diện trở nên xấu xa. Vì đời sắc diện là đặc tánh của sự giận dữ.

"Người nào có tánh ganh tỵ, keo kiệt, kiêu hãnh, hằng tích trữ những mầm chất thù hận, ác cảm, khinh rẽ kẻ khác, những khuynh hướng khai triển mầm giống tương xứng với cảnh nghèo khổ v.v...

"Đó dĩ nhiên, chỉ là hậu quả của nghiệp đã tạo trong quá khứ, có thể thay đổi tánh nam hay tánh nữ, như kinh Digha Nikaya, Trường A Hàm, số 21 có thuật rằng Gopiksa, vì bà rất ghét tâm tánh đàn bà và do đó tự tạo cho mình một bản tánh đàn ông". The Doctrine of the Buddha, trang 191.

[5] Digha Nikaya, Trường A Hàm, iii, trang 112, số 30.

[6] The Expositor, trang 65, chương 87.

[7] Xem Compendium of Philosophy, trang 191, Manual of Abhidhamma, tác giả Narada Thera.

[8] Hành động bằng thân, khẩu hay ý.

[9] Angutara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, trang 173; Gradual Sayings; Phần i, trang 157.

[10] Xem Abhidhammavata, trang 54. Bà Rhys Davids, Buddhism, trang 119.

2. Nghiệp là gì?

"Tác ý là Nghiệp" -- Tăng Nhứt A Hàm

Nghiệp (Kamma)

Kamma, Nghiệp, theo đúng nghĩa của danh từ, là hành động, hay việc làm. Định nghĩa cùng tốt của Nghiệp là **Tác ý** (cetana). Tư tưởng, lời nói, việc làm, thường khởi xuất do "ý muốn làm" tạo động cơ. Phật Giáo gọi ý muốn làm ấy là Tác ý (cetana). Tất cả những hành động có tác ý, dấu hiệu hiện bằng thân, khẩu, hay ý, đều tạo Nghiệp. Tất cả những hành động có tác ý, thiện hay bất thiện, đều tạo Nghiệp. Những hành động không có chủ tâm, mặc dầu đã biểu hiện bằng lời nói hay việc làm, đều không tạo Nghiệp.

Đức Phật dạy: "*Này hỡi các Tỳ Khưu, Như Lai xác nhận rằng chính Tác ý là Nghiệp. Do có ý muốn mới có hành động, bằng thân, khẩu hay ý [1]*".

Ngoại trừ những hành động của chư Phật và chư vị A La Hán, mỗi hành động có tác ý đều gọi là Nghiệp. Mặc dầu chư Phật và chư vị A La Hán vẫn còn chịu ảnh hưởng của những nhân đã gieo trong quá khứ, các Ngài không còn tạo Nghiệp mới nữa vì các Ngài đã thoát ra ngoài cái lành và cái dữ, đã tận diệt vô minh và ái dục là hai nguồn gốc của Nghiệp. Ratana Sutta (Tam Bảo Kinh) ghi rằng: "Mâm giống (Khina-bija) đã bị tận diệt, những ham muốn vị kỷ không còn khởi sanh."

Như vậy không có nghĩa là chư Phật và chư vị A La Hán sống một cách thụ động. Các Ngài luôn luôn tích cực hoạt động để tạo an lành hạnh phúc cho chúng sanh. Hành động của các ngài, thường được coi là thiện, không có năng lực tạo Nghiệp. Am hiểu tận tường thực tướng của vạn pháp, các Ngài phá tan mọi thăng trầm (kiết sử) trôi buộc chúng sanh trong vòng luân hồi, những chuỗi dài nhân và quả.

Một vài hệ thống tín ngưỡng cũng nhìn nhận rằng mọi chênh lệch trong xã hội đều do Nghiệp, nhưng khi đề cập đến Nghiệp, lại chủ trương rằng mọi hành động, có tác ý hay không, đều tạo Nghiệp.

Theo chủ trương ấy, một người giết cha, giết mẹ dẫu cố tâm hay vô ý, đều phạm trọng tội như nhau. Cũng như đôi với lửa, dẫu vô tình hay cố ý thọc tay vào lửa thì phải bị phỏng như nhau, không hơn không kém.

Lập luận như vậy dĩ nhiên sẽ đưa đến một định thức phi lý. Đưa bé trong bào thai, vô tình làm cho mẹ đau đớn, hay bà mẹ vô ý làm đau đứa con trong lòng mình, hẳn cũng tạo Nghiệp bất thiện? Vả lại, nêu ra một sự kiện để giải thích một sự kiện tương tự, như trường hợp của người thọc tay vào lửa và một người hành động ác là một luận cứ không thể đứng vững. Thí dụ, theo luận điệu trên, nếu ông A sai ông B đi giết người, thì chính ông B phạm tội sát nhân mà ông A thì không sao cả, vì chỉ có ông B là người "thọc tay vào lửa". Hôn nữa, cũng theo luận điệu trên, một hành động ác không có tác ý có thể còn tai hại hơn một hành động ác có tác ý. Nói cách khác, cố ý làm ác bị hại ít hơn là vô tình, vì theo ví dụ người thọc tay vào lửa, biết rằng lửa nóng người cố tâm tất phải dè dặt hơn nên ít bị nóng. Người vô tình, vì không định ý trước, không kịp ngăn ngừa, ắt bị phỏng nhiều hơn. [2]

Trong sự báo ứng của Nghiệp, **Tâm là yếu tố tối quan trọng**. Tất cả những việc làm, lời nói và tư tưởng đều do tâm ảnh hưởng. "Khi không điều phục được tâm tức nhiên không thể kềm chế được việc làm, lời nói, và tư tưởng. Điều phục tâm tức kềm chế thân, khẩu, ý." [3]

"Chính tâm dẫn dắt thể gian, chính tâm lôi kéo thể gian; và tất cả mọi người đều làm chủ cái tâm."

Kinh Pháp cú có câu:

"Tâm dẫn đầu mọi hành động. Tâm là chủ. Tâm tạo tác tất cả. Nếu nói hay làm với tâm ác thì do đó, đau khổ sẽ theo liền với ta như bánh xe lăn theo dấu chân con bò kéo xe." (câu 2)

Ta có thể thắc mắc vì sao một vật vô hình như tâm lại có thể gây ra những xáo trộn cho thể gian vật chất. Thật ra không có gì khó hiểu. Chính các bộ máy cực kỳ hùng mạnh và có khả năng làm đảo lộn thể gian hiện đại chỉ là sản phẩm của những bộ óc phong phú.

Cái tâm vô hình tạo nên tất cả những tác động báo ứng của Nghiệp.

Nghiệp không nhất thiết chỉ là những hành động trong quá khứ, mà bao trùm quá khứ và hiện tại. Như vậy, nói một cách, chúng ta như thể nào trong hiện tại là tùy thuộc trong quá khứ chúng ta đã hành động như thế nào, và trong tương lai chúng ta sẽ hành động như thế nào tùy thuộc nơi hành động của chúng ta như thế nào trong hiện tại. Hiểu một cách khác nữa, ta phải thêm rằng trong hiện tại chúng ta như thế nào không hoàn toàn bởi vì trong quá khứ ta đã như thế và trong tương lai chúng ta sẽ như thế nào cũng không hoàn toàn tùy thuộc nơi chúng ta như thế nào trong hiện tại.

Hiện tại chắc chắn là con đẻ của quá khứ, đồng thời cũng là mẹ sanh của tương lai.

Nhưng trong sự báo ứng vô cùng phức tạp của Nghiệp, ta không thể nhìn vào hiện tại mà quá quyết quá khứ và tương lai. Thí dụ như tên cướp sát nhân ngày hôm nay có thể là một người hiền như bậc thánh nhân ngày mai. Một người hiền lương đạo đức ngày hôm qua có thể hôm nay trở nên hư hèn hung dữ.

Lời mẹ dạy con: "Nếu con ngoan sẽ được mẹ cưng và con sẽ vui vẻ. Nếu con không ngoan mẹ sẽ không cưng và con sẽ buồn" là giáo lý Nghiệp Báo.

Cái gì giống nhau thu hút lẫn nhau. Tốt đem lại tốt, xấu đem lại xấu. Đó là định luật Nhân Quả.

Tốt tất, Nghiệp Báo là định luật Nhân Quả trong lĩnh vực luân lý hay như người phương Tây thường nói, là "ảnh hưởng của hành động".

Nghiệp và Quả (Kamma và Vipaka)

Nghiệp là hành động. Quả là phản ứng của hành động ấy. Nói cách khác, Quả (Vipaka) là hậu quả của hành động. Cũng như mỗi vật đều dính liền với cái bóng của nó, mỗi hành động có tác ý (cetana) đều dính liền với quả. Nghiệp có thể ví như một cái hạt có khả năng trở thành cây. Quả như trái cây. Lá, hoa các thứ là những sự khác biệt bên ngoài như sức khỏe, sự thịnh vượng, sự giàu sang, sự bệnh hoạn và những điều bất hạnh trong đời sống vật chất mà không ai tránh khỏi.

Nói một cách chính xác, Nghiệp và Quả đều tùy thuộc nơi Tâm. Hành động (Nghiệp) và hậu quả của hành động ấy (Quả) đều do Tâm tạo nên. Vì Nghiệp có thể tốt hay xấu, Quả có thể lành hay dữ.

Nếu hành động thuộc về tâm thì quả cũng thuộc về tâm. Lắm khi ta nghe an vui hạnh phúc, khoan khoái trong lòng, hay buồn bực đau khổ v.v... đó là đang thọ Quả thuộc về tâm. Quả trở sanh tốt hay xấu tùy theo Nhân gieo tốt hay xấu.

Trong phạm vi vật chất, Anisamsa là những phước lành như giàu sang, khỏe mạnh, tuổi thọ v.v..., Adinava là những tội khổ như bần cùng, xấu xí, bệnh tật, yếu tử v.v... Nghiệp là những tâm thiện và bất thiện tại thế (Kusala akusala lokiya citta) và Quả (Vipaka) là những loại tâm Quả tại thế (lokiya vipaka citta).

Theo Vi Diệu Pháp [4], Nghiệp gồm 12 loại tâm bất thiện và 8 loại tâm thiện thuộc Dục Giới (kamavacara), 5 loại tâm thiện thuộc Sắc Giới (rupavacara) và 4 loại tâm thiện thuộc Vô Sắc Giới (arupavacara). Tổng cộng là 29 tâm tại thế (lokiya citta).

Ngoài ra, 8 loại tâm siêu thế (lokuttara citta) không thể coi là Nghiệp vì các loại tâm ấy có khuynh hướng diệt Nghiệp.

Động cơ của tất cả các loại tâm tại thế là Tác ý (cetana), trái lại, yếu tố chánh yếu trong các loại tâm siêu thế là Trí tuệ (panna).

9 loại tâm thiện thuộc Sắc Giới và Vô Sắc Giới (5 thiện Sắc Giới và 4 thiện Vô Sắc Giới) hoàn toàn thuộc về tâm, không biểu hiện dưới hình thức việc làm và lời nói như 20 loại tâm thuộc Dục Giới.

Mọi hành động đều do tâm. Chính tâm biểu hiện bằng thân, khẩu hay ý.

Tất cả 29 loại tâm kể trên (12+8+5+4) đều được gọi là Nghiệp vì các loại tâm ấy có khả năng tạo Quả một cách tự động, không cần trợ lực của yếu tố nào từ bên ngoài.

Vui, buồn, hạnh phúc hay đau khổ, hậu quả dĩ nhiên phải có của các loại tâm thiện hay bất thiện, gọi là tâm Quả thuộc Dục Giới. Năm loại tâm Quả thuộc Sắc Giới và 4 loại tâm Quả thuộc Vô Sắc Giới đều là hậu quả đương nhiên của Nghiệp.

Đã gieo nhân tức phải gặt Quả, lúc này, nơi này, hay lúc khác, nơi khác, ở kiếp hiện tại hay trong kiếp vị lai. Ngày hôm nay ta gặt hái những gì chính ta đã gieo trong hiện tại hay trong quá khứ.

Trong bộ Samyutta Nikaya, Tập A Hàm, có những lời dạy như sau:

"Đã gieo giống nào,
Sẽ gặt quả nấy.
Hành thiện sẽ thu gặt quả lành.
Hành ác sẽ thu gặt quả dữ.
Hãy gieo giống tốt,
Ta sẽ hưởng quả lành. [5]"

Nghiệp Báo tự nó là một định luật có hiệu lực trong một phạm vi riêng biệt, không chịu ảnh hưởng của tha lực nào từ bên ngoài đưa vào.

Khả năng trở Quả đã dính liền với Nghiệp. Trong hành động (bằng thân, khẩu, ý) đã có tiềm tàng năng lực tạo Quả, cũng như trong hạt đã có tiềm tàng tạo nên cây và sanh ra trái. Nhân sanh Quả, Quả giải thích Nhân. Hạt sanh trái, thấy trái ta biết hạt như thế nào. Sự liên quan giữa hạt và trái cũng như giữa Nghiệp và Quả. "Trong Nhân đã có sẵn mầm giống của Quả."

Hạnh phúc và đau khổ, thường xảy đến cho nhân loại, là Quả phải có, trở sanh do những nhân nào. Phật Giáo không chủ trương có sự thưởng phạt do một oai lực siêu phàm toàn tri, toàn năng, tối thượng ban bố cho những linh hồn đã làm lành hay gây dữ. Thuyết Duy Thân cổ giải thích mọi việc bằng kiếp sống trường cửu trong tương lai mà không biết đến quá khứ. Thuyết Duy Thân tin rằng linh hồn của người chết sẽ trải qua một cuộc phán xét và xem những phước báu và tội khổ trong đời hoàn toàn do ý muốn của một Tạo Hóa Tối Thượng, ngự trên một

cánh trời nào đó, tạo ra càn khôn vạn vật và trọn quyền định đoạt số phận của nhân loại, vật do mình tạo ra.

Phật Giáo không nhìn nhận có một linh hồn trường cửu, được tạo nên một cách ngẫu nhiên và độc đoán. Phật Giáo tin có định luật và công lý thiên nhiên, không phải một đấng Thượng đế toàn năng hay một Đức Phật đại từ đại bi tạo nên. Theo định luật và công lý thiên nhiên ấy thì mỗi hành động đều gây nên một phản ứng tương xứng mà người đời thường lầm tưởng là sự ban thưởng hay hình phạt.

Một vài người dựa theo nhận thức riêng của mình cho rằng thuyết Nghiệp Báo trong Phật Giáo là một loại nha phiến để xoa dịu và ru ngủ người xấu số bằng luận điệu như sau:

"Bây giờ anh phải chịu khó nghèo khổ vì đã tạo Nghiệp xấu trong quá khứ. Anh kia được giàu sang vì anh ấy tạo Nghiệp tốt. Như vậy, hãy cam tâm chịu lấy số phận nghèo đói của anh và cố gắng tạo Nghiệp tốt trong hiện tại để được giàu sang trong kiếp tới.

"Trong kiếp này anh bị hà hiếp bóc lột vì đã tạo Nghiệp xấu trong quá khứ. Hãy nhận lãnh số phận hẩm hiu ấy và nhẫn nại cam tâm chịu khổ. Từ nay hãy ăn hiền ở lành, chắc rằng kiếp sau anh sẽ được giàu sang hạnh phúc."

Đức Phật không hề dạy như vậy. Thuyết Nghiệp Báo trong Phật Giáo cũng không bao giờ chấp nhận một cuộc phán xử sau kiếp sống. Đức Phật vị tha, từ bi vô lượng vô biên, truyền dạy Nghiệp Báo không phải để bảo vệ người giàu sang và an ủi người nghèo khổ bằng cách hứa hẹn hạnh phúc huyền ảo trong tương lai.

Theo lý Nghiệp Báo, chúng ta không nhất định phải bị trói buộc trong hoàn cảnh nào, vì Nghiệp Báo không phải là số mạng, cũng không phải Tiền Định do một oai lực huyền bí nào đã định đoạt cho ta một cách bất khả kháng. Chính hành động thiện hay ác của ta gây phản ứng lành hay dữ. Do đó chúng ta hoàn toàn tự do tạo ra những phản ứng mới để hòa dịu Nghiệp lực. Chúng ta có đủ năng lực để chuyển phần nào cái Nghiệp của chúng ta theo ý muốn. Chuyển đến mức độ nào chỉ tùy nơi ta.

Như vậy chúng sanh không bị bắt buộc phải gặt hái trọn vẹn những gì đã gieo. Trong một tình trạng nào đó và trong một giới hạn nào đó, với sự cố gắng chánh đáng, ta có thể sửa đổi cái Nghiệp của ta.

Nguồn Gốc của Nghiệp

Vô minh (avijja) hay không hiểu biết thấu đáo thực tướng của sự vật là nguyên nhân chính tạo ra Nghiệp. Trong Thập Nhị Nhân Duyên (Paticca Samuppada) có câu:

"Tùy thuộc nơi Vô Minh, Hành phát sanh" (avijja paccaya samkhara)."

Vì không am hiểu chân tướng của vạn pháp nên mới có những hành động tạo Nghiệp.

Ái dục (Tanha) - đi liền với Vô Minh - là một nguyên nhân khác tạo duyên sanh ra Nghiệp. Chính Vô Minh và Ái Dục là cội rễ của mọi tội ác. Tất cả những hành động của hạng phàm nhân (puthujjana, là những chúng sanh còn trong tam giới) mặc dầu bắt nguồn từ ba căn trong sạch là bố thí (alobha, không tham), từ bi (adosa, không sân) và trí tuệ (amoha, không si) vẫn còn tạo Nghiệp, vì chưa tận diệt Vô Minh và Ái Dục. Trái lại, những loại tâm siêu thế (maggacitta, đạo tâm) không tạo Nghiệp vì bản chất của các loại tâm ấy có khuynh hướng tận diệt Vô Minh và Ái Dục.

Người Tạo Nghiệp

Ai tạo Nghiệp? Ai gặt quả? "Nghiệp có phải là một sự tích trữ trong linh hồn không?"

Để trả lời câu hỏi tế nhị ấy, Đại Đức Buddhaghosa viết như sau trong sách Visuddhi Magga (Thanh Tịnh Đạo):

"Không có người tạo Nghiệp.

"Không có người gặt quả,

"Chỉ có những thành phần cầu tiến mãi mãi (chỉ có sự vận chuyển của pháp hành).

"Đó là nhận thức chân chánh. [6]"

Theo Phật Giáo, có hai thực tế. Thực tế biểu hiện ra bề ngoài và thực tế cùng tột. Thực tế bề ngoài là những chân lý mặc ước, hay Tục đế (sammuti sacca). Thực tế cùng tột là chân lý trừu tượng, tuyệt đối, cùng tột, hay Chân đế (paramattha sacca). Thí dụ như cái bàn, cái quạt, con người, con vật v.v... là những thực tế biểu hiện ra ngoài mà ngũ quan ta có thể cảm nhận. Bằng một cách mặc ước, chúng ta đồng ý chấp nhận danh từ bàn, quạt, người, vật v.v... để chỉ những vật ấy. Vậy bàn là thực tế bề ngoài, chân lý mặc ước, tục đế.

Nhưng nếu phân tách cái bàn, ta thấy rằng cái mà ta gọi là bàn chỉ là sự kết hợp của những tế bào, và tế bào chỉ là sự kết hợp của những năng lực và tánh chất. Vậy, phân tách đến mức cùng tột, vật chất chỉ là sự cấu thành của những năng lực và tánh chất. Năng lực và tánh chất ấy là thực tế cùng tột, chân lý tuyệt đối, chân đế.

Khi nói chuyện với mọi người, nhà bác học gọi nước là nước. Nhưng trong phòng thí nghiệm, nhà bác học gọi nước là H₂O. Nước là danh từ mặc ước, chế định, phổ thông. H₂O là danh từ chuyên môn, là thực tế tuyệt đối.

Cùng một thể ấy, trong những câu chuyện thông thường, ta dùng danh từ mặc ước như đàn ông, đàn bà, chúng sanh v.v... Những cái được gọi là hình sắc ấy, khi được phân tách tỉ mỉ cho thấy rằng chỉ là những thành phần tâm-vật-lý luôn luôn biến đổi, không thể tồn tại y hệt trong hai khoảnh khắc kế tiếp.

Như vậy, Phật Giáo không tin rằng có một thực thể đơn thuần như một người hay một linh hồn vĩnh cửu, hành động ngoài sự hành động, tri giác ngoài sự tri giác, hay ý thức một việc ngoài ý thức. Nói cách khác, Phật Giáo chủ trương có sự hành động mà không có người hành động, có sự tri giác mà không có người tri giác, có thức mà không có người ý thức.

Vậy thì ai tạo Nghiệp và ai gặt Quả?

Tác ý (cetana) hay ý muốn, làm động cơ phát xuất hành động (bằng thân, khẩu, ý), là người tạo người Nghiệp. Thọ (vedana), cảm giác, là người gặt Quả. Ngoài hai tâm sở "tác ý" và "thọ", không có người tạo Nghiệp cũng không có người gặt Quả.

Đại Đức Buddhaghosa dạy rằng khi những thành phần vật chất phối hợp lại, cấu thành cái gọi là cây, một ngày nào và ở một điểm nào, và trở ra trái, thì ta nói "cây sanh trái" hay "cây trở trái". Cùng dường thế ấy, năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) phối hợp lại, cấu thành cái gọi là trời hay người và, một ngày nào, quả lành hay quả dữ thô sanh thì ta nói rằng vị trời hay người ấy có phước hay vô phước.

Về điểm này Phật Giáo cũng đồng quan điểm với giáo sư William James khi giáo sư bác bỏ luận cứ của Descartes và chủ trương rằng:

"Chính tư tưởng là người tư tưởng. [7]"

Nghiệp ở đâu?

Một nhà phân tích tâm linh như sau viết như sau:

"Nghệp được tích trữ bên trong phần tâm linh, nhưng thông thường chỉ có một số ít người tìm ra và xâm nhập được vào thâm cung bí hiểm của tâm linh ấy. Nghiệp là sự thấu nhận trọn vẹn tất cả những kinh nghiệm đã trải qua, những cảm giác đã thọ, những ảnh hưởng đã thâm nhiễm của một cá nhân. Tiềm thức không phải chỉ trung thực ghi nhận những kinh nghiệm cá nhân mà còn giữ lại những cảm xúc và những khuynh hướng sơ khởi và - mặc dầu hình như suy giảm dần trong con người văn minh dưới lớp lễ nghi hình thức của xã hội - vẫn còn tiềm lực mạnh mẽ có thể bộc phát một cách bất ngờ với một năng lực hùng hậu không thể đoán trước được."

Người Phật tử cũng nhận định như vậy, nhưng với một ý niệm sửa đổi căn bản khác biệt.

Phật Giáo chủ trương rằng cái Nghiệp không được tàng trữ trong một nơi nào gọi là tâm linh, bởi vì không có chi chứng minh rằng có một nơi nào trong guồng máy phức tạp và luôn luôn biến đổi con người có thể làm nơi chứa đựng như một kho tàng.

Tuy nhiên, mỗi kinh nghiệm, mỗi cảm giác, mỗi ảnh hưởng đã ghi nhận, mỗi đặc tính, phẩm hay thánh, của một số cá nhân đều được phát triển tùy sự biến đổi liên tục của những hiện tượng tâm-vật-lý của cá nhân ấy như một dòng suối luân lưu bất tận.

Tóm tắt, tất cả nghiệp lực đều tùy thuộc nơi sự biến đổi của luồng tâm lực (citta santati) và luôn luôn sẵn sàng phát hiện trong muôn ngàn hiện tượng, mỗi khi có cơ hội.

Một hôm Vua Milinda hỏi Đại Đức Nagasena:

"Kính bạch Đại Đức, Nghiệp được tích trữ ở đâu?"

- Tâu Đại vương, ta không thể nói Nghiệp được tích trữ ở một nơi nào trong cái tâm luôn luôn biến đổi, hay ở một nơi nào khác trong thân thể con người. Nhưng tùy thuộc nơi danh và sắc, Nghiệp khởi hiện trong một lúc thích ứng. Cũng như ta không thể nói trái xoài được tích trữ ở nơi nào trong cây xoài nhưng, tùy thuộc nơi cây xoài và khi đầy đủ cơ duyên, nó sẽ trở ra đúng lúc, đúng mùa. [8]"

Cũng như ta không thể nói gió hay lửa nằm ở nơi nào nhất định, ta không thể quả quyết Nghiệp được chứa đựng trong hay ngoài thân.

Nghệp là một năng lực cá biệt được chuyển từ kiếp này sang kiếp khác. Nghiệp thủ một vai trò quan trọng trong việc cấu tạo tâm tánh con người. Nghiệp giải thích những hiện tượng kỳ diệu mà ta gọi là vĩ nhân, thiên tài, thần đồng v.v... Một sự hiểu biết rành mạch về định luật Nghiệp Báo là điều kiện chánh yếu khả dĩ tạo tình trạng an lành hạnh phúc cho thế gian.

-ooOoo-

Chú thích:

[1] Anguttara Nikaya, iii, 415; The Expositor phần I, trang 117; Atthasalini, trang 88.

[2] Xem Poussin, "The Way to Nirvara", trang 68.

[3] Atthasalini, trang 63; The Expositor, phần I, trang 91.

[4] Xem Compendium of Philosophy; Abhidhammattha Sangaha, Ch. 1; Manual of Abhidhamma, Ch. 1.

[5] Quyển 1, trang 227. Kindred Sayings, phần I, trang 293.

[6] Quyển II, trang 602. Xem Warren, Buddhism in Translation, trang 248. The Path of Purity, chương iii, trang 728.

Kammaṣa karako natthi - vipakassa ca vedako; Suddhadhamma pavattanti - evetaṃ samma dāssanaṃ.

[7] Psychology, trang 216.

[8] Visuddhi Magga, Thanh Tịnh Đạo, chương XVII.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Phần I](#) | [Phần II](#)

Chân thành cảm ơn Thầy Kheo Thiện Minh đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 09-2002).

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

updated: 18-09-2002